

Số: 08/2022/QĐCNHGT-DS

Thị xã Kỳ Anh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Công ty TNHH xây dựng A, ông NNQ và Ngân hàng B, chi nhánh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện về việc “Tháo dỡ, công trình nhà cửa, nhà hàng được xây dựng trên đất và trả lại mặt bằng quyền sử dụng đất cho chủ sở hữu” đề ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Công ty TNHH xây dựng A.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Công ty TNHH xây dựng A

Địa chỉ: Số nhà X, ngõ X, đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông NTT.

Chức vụ: Giám đốc; Căn cước công dân số: 04206900xxxx, cấp ngày: 13/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

- *Người bị kiện:* Ông NNQ

Căn cước công dân số: 04208700xxxx; cấp ngày: 06/5/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: Xóm X, xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng B, chi nhánh Hà Tĩnh; địa chỉ: Số X, đường Y, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông MB; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông HTP; chức vụ: Phó giám đốc.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyên sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 11 năm 2022, đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận kết quả hòa giải thành giữa các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 11 năm 2022, cụ thể như sau:

Ông NNQ thừa nhận nhà hàng A, tại Tổ dân phố Hưng Lợi, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay do ông làm chủ và đang kinh doanh nằm trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH xây dựng A đã trúng đấu giá vào ngày 07/07/2022, theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 66/HĐ-MBTS.

Ông NNQ đồng ý dừng việc kinh doanh, tháo dỡ toàn bộ hệ thống nhà cửa và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng và diện tích đất cho Công ty TNHH xây dựng A trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày 11/11/2022 đến hết ngày 29/11/2022. Trong đó: Ông NNQ đồng ý dừng toàn bộ hoạt động kinh doanh nhà hàng muộn nhất đến ngày 26/11/2022 và tháo dỡ toàn bộ hệ thống nhà cửa và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng, diện tích đất cho Công ty TNHH xây dựng A đến hết ngày 29/11/2022.

Trường hợp, ông NNQ không tháo dỡ toàn bộ hệ thống nhà cửa và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng và diện tích đất cho Công ty TNHH xây dựng A như đã thỏa thuận thì ông NNQ đồng ý trả lãi phát sinh theo mức lãi suất cho vay tại Ngân hàng B kể từ ngày 11/11/2022 cho đến ngày thực tế ông NNQ thực hiện tháo dỡ toàn bộ hệ thống nhà cửa và di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại mặt bằng và diện tích đất cho Công ty TNHH xây dựng A, theo số tiền gốc mà Công ty TNHH xây dựng A đã trúng đấu giá là 53.857.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Đến hết ngày 29/11/2022, mà ông NNQ không thực hiện tháo dỡ toàn bộ hệ thống nhà cửa và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng và diện tích đất cho Công ty TNHH xây dựng A như đã thỏa thuận thì Công ty TNHH xây dựng A làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành Quyết định có hiệu lực của Tòa

án theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THA dân sự thị xã Kỳ Anh;
- Công ty TNHH xây dựng A;
- Ông NNQ;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thạch

Số: 05/2022/QĐCNHGT-DS

Thị xã Kỳ Anh, ngày 18 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Trần Thanh Thủy, bà Trần Thị Cúc và ông Lê Đình Nghĩa.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đề ngày 27 tháng 5 năm 2022 của bà Trần Thanh Thủy;

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thanh Thủy, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Thôn Tam Hải 2, xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người bị kiện:* Bà Trần Thị Cúc, sinh năm: 1982 và ông Lê Đình Nghĩa, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn Tiến Thắng, xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tam Hải 2, xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án: Đơn khởi kiện ngày 27-5-2022 (02 trang - bản gốc), giấy vay tiền (01 trang - bản gốc), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 335829 (01 trang – Bản sao chứng thực), Căn cước công dân và sổ hộ khẩu của bà Thủy (03 trang – bản sao chứng thực); đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí ngày 27-5-2022 của bà Thủy (01 trang – Bản gốc); Trích lục khai tử ông Lê Minh Đệ (01 trang – Bản sao chứng thực); bưu gửi của bưu điện (01 trang – bản sao); CMND của bà Trần Thị Cúc và ông Lê Đình Nghĩa (01 trang – bản photo đã đối chiếu bản gốc); giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện (01 trang – Bản gốc); Thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và hòa giải viên (01 trang – Bản gốc); Danh sách hòa giải viên (01 trang – Bản gốc); Biên bản ghi nhận

ý kiến về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn hòa giải viên (02 trang – Bản gốc); Quyết định phân công thẩm phán phụ trách hòa giải (01trang – Bản gốc); Thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải, đối thoại tại Tòa án (01 trang – Bản gốc); BB giao nhận hồ sơ giữa Thư ký với Hòa giải viên (01 trang – Bản gốc); Giấy mời tham gia hòa giải (01 trang – Bản gốc); BB giao nhận (03 trang – Bản gốc); Bản tự khai của bà Thủy, bà Cúc và ông Nghĩa (03 trang – Bản gốc); biên bản giao nhận hồ sơ giữa Hòa giải viên với thẩm phán phụ trách hòa giải đối thoại để ra quyết định (01 trang – Bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 7 năm 2022, đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận kết quả hòa giải thành giữa các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

1.1. Về số tiền nợ:

Hai bên thỏa thuận, thống nhất bà Trần Thị Cúc và ông Lê Đình Nghĩa còn nợ bà Trần Thanh Thủy số tiền gốc và lãi tính từ ngày 28-12-2020 đến ngày 01-7-2022 với lãi suất 1%/tháng là 457.686.849 đồng (*Bốn trăm năm bảy triệu, sáu trăm tám sáu nghìn, tám trăm bốn chín đồng*). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 414.700.000 đồng (*Bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng*) và tiền lãi là 42.986.849 đồng (*Bốn hai triệu, chín trăm tám sáu nghìn, tám trăm bốn chín đồng*), theo giấy vay tiền lập ngày 28-12-2020.

1.2. Về phương thức thanh toán, trả nợ:

Bà Trần Thanh Thủy với bà Trần Thị Cúc và ông Lê Đình Nghĩa thống nhất phương thức thanh toán, trả nợ như sau:

Bà Trần Thị Cúc và ông Lê Đình Nghĩa có nghĩa vụ phải trả nợ toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính từ ngày 28-12-2020 đến ngày 01-7-2022 là 457.686.849 đồng (*Bốn trăm năm bảy triệu, sáu trăm tám sáu nghìn, tám trăm bốn chín đồng*) cho bà Trần Thanh Thủy trong thời hạn 02 (hai) tháng (kể từ ngày 01-7-2022 đến ngày 01-9-2022). Đến hết thời hạn thanh toán mà bà Trần Thị Cúc và ông Lê Đình Nghĩa không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ như đã cam kết thì bà Trần Thanh Thủy có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi

hành Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THA dân sự thị xã Kỳ Anh;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thạch

